

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 02 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Liên

2. Bà Lê Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị Hồng T**, sinh năm 2003

Nơi cư trú: **Xóm H, xã D, tỉnh Nghệ An**

Số định danh cá nhân: 040303013515

- Bị đơn: Anh **Lê Văn D**, sinh năm 2000

Nơi cư trú: **Xóm H, xã D, tỉnh Nghệ An**

Số định danh cá nhân: 040200023485

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 16/9/2025, bản tự khai cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Lưu Thị Hồng T** trình bày:*

Chị **Lưu Thị Hồng T** và anh **Lê Văn D** có đăng ký kết hôn ngày 09/6/2021 tại **UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An**. Kết hôn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh **D** không quan tâm vợ con và gia đình, thường xuyên vắng nhà, không lo làm ăn. Vợ chồng đã không thể tiếp tục chung sống nên đã sống ly

thân từ giữa năm 2023. Hiện nay anh **D** ở đâu chị không biết, chị hỏi anh **D** không nói. Chị **T** yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về tình cảm: Chị **T** yêu cầu ly hôn anh **Lê Văn D**.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là **Lê Quang T1**, sinh ngày 19/8/2021. Hiện nay cháu **T1** đang ở chị **T**. Ly hôn chị **T** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu **Lê Quang T1**, không yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 28/01/2026, anh **Lê Văn D** trình bày:*

Anh và chị **Lưu Thị Hồng T** có đăng ký kết hôn tại **UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An** vào ngày 09/6/2021. Kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến đầu năm 2025 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm dẫn đến nhiều lần vợ chồng tranh cãi. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị **T** đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở **xã A, tỉnh Nghệ An** sống nên vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Anh xuất cảnh lao động ở nước Đài Loan từ tháng 5/2025 và mới về nước. Nay anh xét thấy không còn tình cảm với chị **T**, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Anh đồng ý ly hôn với chị **Lưu Thị Hồng T**.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung là **Lê Quang T1**, sinh ngày 19/8/2021. Thời gian vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 và lúc anh ở nước ngoài con ở với chị **T** và đi học mầm non ở **xã A, tỉnh Nghệ An**. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Anh **Danh dự D** tiếp tục xuất cảnh sang Đài Loan, anh sẽ giao con cho mẹ là bà **Thái Thị L** trông nom, chăm sóc con cho đến khi anh về nước. Anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho bà **L**, không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 07/01/2026, cán bộ Ủy ban nhân dân xã D, tỉnh Nghệ An cho biết: Chị **Lưu Thị Hồng T** trong quá trình chung sống hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được, UBND xã không nhận được đơn yêu cầu Hòa giải của chị **T** và anh **D**. Chị **T** và anh **D** có 01 con chung là **Lê Quang T1**, sinh ngày 19/8/2021. Về điều kiện kinh tế của chị **T** và anh **D** qua xác minh thu thập thì chị **T** là lao động tự do, anh **D** đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên thu nhập không ai nắm rõ. Chị **T** không có mặt ở địa phương, chị **T** đã về nhà bố mẹ đẻ ở **xã A, tỉnh Nghệ An**; anh **D** đi lao động ở nước ngoài nên con chung do chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Nghệ An phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Chị **T** và anh **D** có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS Tòa án đưa vụ án ra xét xử là có cơ sở.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị **Lưu Thị Hồng T** được ly hôn với anh **Lê Văn D**; giao con chung là **Lê Quang T1**, sinh ngày 19/8/2021 cho chị **Lưu Thị Hồng T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **T1** đủ 18 tuổi, thành niên; anh **D** không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi chị **T** có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị **Lưu Thị Hồng T** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp

Nguyên đơn chị **Lưu Thị Hồng T** và anh **Lưu Văn D1** kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **D**, huyện **D**, tỉnh **Nghệ An**, kết hôn hợp pháp. Do trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên nguyên đơn khởi kiện về ly hôn và có nguyện vọng được nuôi con chung nên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết:

Theo giấy xác nhận thông tin về cư trú ngày 16/9/2025 do Công an xã **D** xác nhận thì anh **D1** có nơi thường trú tại xóm **H**, xã **D**, tỉnh **Nghệ An** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào Công văn số 5316/QLXNC-Đ1 ngày 04/12/2025 của **Phòng Q Công an tỉnh N**, lời khai của anh **Lê Văn D** xuất cảnh đi lao động ở nước Đài Loan vào tháng 11/2025 và nhập cảnh về Việt Nam vào ngày 17/01/2026. Hiện nay anh **Lê Văn D** đang có mặt tại địa phương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: xét thấy chị **Lưu Thị Hồng T** và anh **Lê Văn D** chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, vì vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay, chị **Lưu Thị Hồng T** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **T** được ly hôn với anh **Lê Văn D**, thì anh **D** cũng xét thấy đã không còn tình cảm với chị **T**, anh **D** đồng ý ly hôn với chị **T**. Chứng tỏ, cuộc sống hôn nhân giữa chị **T** và anh **D** không thể tiếp tục vì không ai có mong muốn được hòa giải đoàn tụ. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **T** và anh **D** là thực tế và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị **Lưu Thị Hồng T** được ly hôn anh **Lê Văn D**.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị **Lưu Thị Hồng T** và anh **Lê Văn D** có 01 con chung là **Lê Quang T1**, sinh ngày 19/8/2021. Khi ly hôn chị **T** và anh **D** đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nguyện vọng được nuôi con của chị **T** và anh **D** là chính đáng, thể hiện trách nhiệm, tình yêu thương, quyền và nghĩa vụ đối với các con. Hội đồng xét xử thấy trong thời gian vợ chồng sống ly thân và anh **D** ở nước ngoài con do chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời anh **D** còn tiếp tục đi lao động ở nước ngoài nên không có điều kiện để trực tiếp chăm, nuôi dưỡng và giáo dục con, nguyện vọng của chị **T** là phù hợp đảm bảo được cuộc sống sinh hoạt và học tập cho con ổn định, không làm xáo trộn cuộc sống và tâm lý của con, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu **Lê Quang T1** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh **Lê Văn D** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lưu Thị Hồng T** được ly hôn anh **Lê Văn D**.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là **Lê Quang T1**, sinh ngày 19/8/2021 cho chị **Lưu Thị Hồng T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên, đủ 18 tuổi

Anh **Lê Văn D** không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị **Lưu Thị Hồng T** cho đến khi chị **T** có yêu cầu.

Anh **Lê Văn D** được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết

4. Về án phí: Buộc chị **Lê Thị Hồng T2** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được tính trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002414 ngày 06/11/2025 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 3 - Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Diễn Châu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đạt

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dũng Ngô Đình Tư

Lê Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 3 - Nghệ An;
- **CTHADS** tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Ngọc Nguyễn Tất Quang

Lê Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 3;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Công Hải Nguyễn Văn D2

Lê Văn Đ1